



CK.0000044783

CHÂU THỊ HOÀNG YẾN
(Biên soạn)

3500 câu ĐÀM THOẠI HOA - VIỆT

(Có kèm đĩa CD)



GUYỄN
C LIỆU

NHÀ XUẤT BẢN TỬ ĐIỂN BÁCH KHOA

**3.500 CÂU
GIAO TIẾP HOA VIỆT**

CHÂU THỊ HOÀNG YẾN
(Biên soạn)

3500 CÂU ĐÀM THOẠI HOA VIỆT



NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA

ĐỐI CHIẾU CÁC ÂM CỦA KÝ HIỆU TIẾNG PHỔ THÔNG VÀ LA TINH HÓA

- Nguyên âm đơn và cách đọc:

a (ㄚ) : a o (ㄛ) : o e (ㄝ) : ơ

i (ㄨ) : yi u (ㄨ) : wu-u ù (ㄨ) : yù

i-i u-u ù (khi ráp vần)

e (ㄝ) : e (đứng một mình hoặc không có ráp vần
trực tiếp với phụ âm)

er (ㄝ) : ơ-r

- Phụ âm và cách đọc:

b (ㄅ) : p (po) p () : ph-(ph-o) m (ㄇ) :

m (mo) f (ㄈ) : f (fo)

d (ㄉ) : t (tơ) t (ㄊ) th (thơ) n (ㄋ) :

n (nơ) l (ㄌ) : l (lơ)

g (ㄍ) : c, k (cơ) k (ㄎ) N: kh (khơ) h (ㄏ) : h (hơ)

j (ㄐ) : chi q (ㄑ) : txi x (ㄒ) : xi

z (ㄗ) : khư c (ㄘ) : txư s (ㄙ) : xư

zh (ㄗ) : chư c (ㄘ) : lsư sh (ㄕ) : sư

r (ㄖ) : jư

- Thanh mẫu:

Tiếng Trung Quốc có 21 thanh mẫu, đó là:

A. Âm môi

b [p] p [p] m [m] f [f]

B. Âm đầu lưỡi giữa

d [t] t [t'] n [n] l [l]

D. Âm cuống lưỡi

g [k] k [k'] h [h]

. Đặt trong dấu [] là phiên âm quốc tế.

E. Âm đầu lưỡi trước

Khi phát âm đứng đầu lưỡi tiếp xúc lợi của hàm răng trên, vị trí của lưỡi giống như khi phát âm S.

F. Âm đầu lưỡi sau

Lúc phát âm, vị trí của lưỡi trong khoang miệng so với khi phát hai âm z, c hơi lùi về phía sau một chút, đầu lưỡi cong lên tiếp xúc với phần trước của vòm họng cứng.

G. Âm mặt lưỡi

Lúc phát âm phần trước của mặt lưỡi tiếp xúc với phần trước của vòm họng cứng.

- Vận mẫu

Tiếng Hoa có 36 vận mẫu, trong đó, vận mẫu đơn có 6 cái (a, o, e, i, u, ư), vận mẫu ghép (phức hợp) có 29 cái trong đó có 9 cái là vận mẫu gốc (cơ sở) (ai, ei, ao, ou, an, eng, ang, eng, ong). Số vận mẫu còn lại do 6 vận mẫu đơn kết hợp với 9 vận mẫu gốc tạo thành.

	i	u	ũ
a	ia	ua	
o		uo	
e	ie		ùe
ai		uai	
ei		uei	
ao	iao		
ou	iou		
an	ian	uan	ùan
en	in	uen	ũn
ang	iang	uang	
eng	ing	ueng	
ong	iong		

Ngoài ra còn có một vận mẫu không ghép với thanh mẫu, đó là er.

- Thanh điệu

Trong tiếng Hoa sự cao thấp, lên xuống của thanh điệu có thể phân biệt ý nghĩa. Ví dụ:

mǎi (mua) māi (bán)

Gồm có 4 thanh điệu, dùng các ký hiệu:

(-) (´) (˘) (ˊ)

để biểu thị:

- thanh một là thanh cao
- thanh hai là thanh lên cao
- thanh ba là thanh thấp
- thanh tư là thanh xuống thấp

Lưu ý: ý:

– Vận mẫu trong các âm tiết: **zh, chi, shi, ri, zi zi ci, si** không đọc là **i** mà đọc như âm “ư” trong tiếng Việt.

– Âm tiết bắt đầu bằng **ri** và **vu** thì phân biệt (đồ đồ thành ny, w. w.

Ví dụ: **lư** iǎo ǎo → yǎo ǎo

 uǎ uǎ → wǎ wǎ

i, in, ing và **u** khi tự nó thành một âm tiết thì viết **ie yi, yin, iying** và **wu.wu**.

– **Ū** tự nó thành âm tiết thì viết **yu**. Âm tiết bắt đầu bằng **nü**, thì viết thành **nyue, yuan** và **yun**, ha ha chấm trên **ü** được lược bỏ.

– Trước các vận mẫu **iou, uei** và **uen** mà có thành **iu** mẫu thì viết thành **iu, iui** và **ün.un**.